

Bản án số: 17/2020/KDTM-PT

Ngày: 23/6/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
thuê tài sản và bồi thường thiệt
hại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Cường và ông Phạm Tôn

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thanh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2019/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và bồi thường thiệt hại*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 980/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Công ty cổ phần Đầu tư X; địa chỉ trụ sở: thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Tự M, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Đông T, Giám đốc điều hành Công ty X, văn bản ủy quyền ngày 22/8/2017 và ông Đinh Văn C; địa chỉ: thành phố H; văn bản ủy quyền ngày 15/8/2017; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Trung H, Văn phòng luật sư P – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Nguyễn Cẩm T, chức vụ: Giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Minh T; địa chỉ liên lạc: thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 04/12/2019); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Ngô Minh H, Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Y, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu T; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Hữu D; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú mới: thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D: Ông Đặng Hoàng N; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh; văn bản ủy quyền ngày 17/11/2017 và 27/12/2017; có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần Y khoa H (gọi tắt là Y khoa H), địa chỉ: Phòng 1103, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông (bà) Vũ Kim H- Tổng giám đốc; có văn bản từ chối tham gia tố tụng; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; có văn bản từ chối tham gia tố tụng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2015, các đơn sửa đổi, bổ sung khởi kiện vào các ngày 08/5/2015, 18/10/2017, 18/10/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phía Nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư X (gọi tắt là Công ty X) trình bày:

Công ty X có giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305358181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/12/2007, là chủ sở hữu Tòa nhà 38 P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 10/01/2012, Công ty Cổ phần Phòng khám đa khoa HH (gọi tắt là Công ty HH) với Công ty X ký kết Hợp đồng thuê số 0301/2012 /HH-X về việc thuê toàn bộ Tòa nhà 38 P, phường V, thành phố H để làm phòng khám đa khoa, nội dung: Thời hạn thuê: Tính từ ngày ký kết hợp đồng 10/01/2012 đến 15/8/2022; giá thuê 592.198.400 VNĐ/tháng, thanh toán 06 tháng 01 lần; sau 01 năm các bên điều chỉnh tăng giá thuê một lần, mỗi lần chênh lệch không quá 10% giá thuê của kỳ thanh toán trước liền kề; Hợp đồng quy định không hủy ngang và nếu Công ty HH có cải tạo, sửa chữa thì phải được sự đồng ý của Công ty X. Tuy nhiên, trong quá trình thuê, Công ty HH đã vi phạm Hợp đồng như: Thường xuyên thanh toán chậm trễ, tự ý cải tạo lớn tòa nhà khi chưa được sự đồng ý của Công ty X và không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty HH về việc tự ý cải tạo lớn Tòa nhà khi không có giấy phép xây dựng theo quy định (Quyết định xử phạt số 130/QĐ-XPHC ngày 08/10/2013), phạt tiền 30.000.000 đồng, buộc đình chỉ xây dựng công trình vào ngày 08/10/2013 và sau đó Công ty HH đã tự ý chấm dứt hợp đồng, gửi thông báo trả lại mặt bằng thuê cho Công ty X từ ngày 31/10/2013.

Đến ngày 09/10/2013, ông K, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Y khoa H (gọi tắt là Y khoa H) với đại diện của Công ty X đã thỏa thuận về các thủ tục chấm dứt hợp đồng thuê Tòa nhà, sau đó các bên đã ký kết thỏa thuận giải quyết việc trả lại mặt bằng, Biên bản thỏa thuận nêu rõ: “Việc di chuyển tài sản và thiết bị của Công ty HH ra khỏi tòa nhà phải dưới sự giám sát của Công ty X” và “Công ty HH phải bàn giao lại tòa nhà cho Công ty X như hiện trạng ban đầu, Công ty HH cam kết khi di chuyển tài sản sẽ không làm hỏng hóc hay thiệt hại gì đến tòa nhà thuê”. Mặc dù đã thỏa thuận nhưng trong quá trình HH di chuyển tài sản, Công ty X cử người đến giám sát thì nhân sự của Công ty HH ngăn cản không cho vào đồng thời nhân viên của Công ty HH cố tình đập phá, tháo dỡ luôn toàn bộ các trang thiết bị của Tòa nhà khiến cho Tòa nhà rơi vào tình trạng bị phá hoại, không thể tiếp tục sử dụng được.

Trong khi sự việc chưa được giải quyết xong với Công ty X, cuối năm 2013, Công ty HH lại nộp hồ sơ vào Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế để làm thủ tục giải thể. Biết được sự việc, ngày 31/12/2013, Công ty X có văn bản số 210/2013/ X gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị tạm thời không giải quyết thủ tục giải thể doanh nghiệp cho đến khi Công ty HH bàn giao xong Tòa nhà và giải quyết xong các vướng mắc với Công ty X.

Công ty X đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Công ty HH phối hợp kiểm định lại chất lượng Tòa nhà và bàn giao lại nhưng HH không hợp tác thực hiện. Vì vậy ngày 22/5/2015, Công ty X đã gửi đơn khởi kiện Công ty HH đến Tòa án nhân dân thành phố H, yêu cầu Công ty HH bàn giao lại Tòa nhà và bồi thường các thiệt hại cho Công ty X. Do Công ty HH đã giải thể nên Công ty X yêu cầu chủ sở hữu có cổ phần chiếm 93,66% trong HH là H Đà Nẵng phải liên đới bồi thường thiệt hại và thanh toán tiền thuê nhà là 29.045.044.620 đồng theo tỷ lệ vốn góp 93,66% là 27.203.588.791 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Buộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng phải thanh toán tiền thuê tòa nhà 10.102.851.620 đồng và bồi thường thiệt hại về tài sản là 18.942.193.000 đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư X. Tổng cộng hai khoản là 29.045.044.620 đồng theo tỷ lệ vốn góp 93,66% là 27.203.588.791 đồng. Buộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng phải bàn giao toàn bộ Tòa nhà 38 P, phường V, thành phố H cho Công ty Cổ phần Đầu tư X kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/8/2016, Công ty H Đà Nẵng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2017/DS-PT ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố H, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố H chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 18/10/2017, Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư X sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017, những vấn đề cụ thể Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

1. Buộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng và các cá nhân gồm: Ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D phải thanh toán theo tỷ lệ góp vốn tại Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa HH (gọi tắt là HH) tiền thuê Tòa nhà 38 P cho Công ty Cổ phần Đầu tư X tính từ ngày 30/7/2015 đến ngày 31/7/2017 với số tiền là: 23.169.109.418 đồng.

2. Yêu cầu các Bị đơn theo tỷ lệ góp vốn trong HH, bồi thường thiệt hại là 24.942.193.000 đồng, bao gồm: Bồi thường thiệt hại về cơ sở vật chất, kỹ thuật và thiết bị của Tòa nhà 38 P, phường V, thành phố H cho Công ty Cổ phần Đầu tư X với số tiền 18.942.193.000 đồng; bồi thường thiệt hại về hư hỏng phát sinh thêm trong năm 2016 và 2017 do xuống cấp nghiêm trọng với số tiền là 6.000.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền thuê và bồi thường thiệt hại: 48.111.302.418 đồng.

Ngày 18/10/2018, Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư X sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện nội dung: Giữ nguyên yêu cầu Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng và các cá nhân gồm: Ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D phải thanh toán theo tỷ lệ góp vốn tại Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa HH (gọi tắt là HH) tiền thuê Tòa nhà 38 P cho Công ty Cổ phần Đầu tư X tính từ ngày 30/7/2015 đến ngày 31/7/2017 với số tiền là: 23.169.109.418 đồng.

- Thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại:

1. Rút một phần yêu cầu buộc các bị đơn bồi thường theo tỷ lệ góp vốn trong HH khoản tiền là 4.273.808.172 đồng; yêu cầu các Bị đơn theo tỷ lệ góp vốn trong HH, bồi thường thiệt hại là 14.668.384.828 đồng cho nguyên đơn, do đã cố ý gây thiệt hại về cơ sở vật chất, kỹ thuật và thiết bị của Tòa nhà 38 P, phường V, thành phố H theo báo cáo kết quả khảo sát đánh giá hiện trạng công trình Tòa nhà 38 P do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thừa Thiên Huế lập.

2. Rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về hư hỏng phát sinh thêm trong năm 2016 và 2017 do xuống cấp nghiêm trọng với số tiền là 6.000.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền thuê và bồi thường thiệt hại: 37.837.494.246 đồng. Trong trường hợp bị đơn chậm trả tiền, đề nghị Tòa án xem xét và buộc bị đơn phải chịu tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Phía các Bị đơn trình bày:

1. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty H Đà Nẵng trình bày nội dung: Phía Công ty H Đà Nẵng không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư X, bởi lẽ:

- Công ty H Đà Nẵng và Công ty HH (khi chưa giải thể) là hai pháp nhân hoàn toàn độc lập và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật. Trước thời điểm Công ty HH được giải thể hợp pháp vào ngày 03/6/2015 theo Thông báo giải thể số 60/ĐKKD-TB của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế thì Công ty H Đà Nẵng là cổ đông của Công ty HH. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì trong mọi trường hợp, Công ty H Đà Nẵng chỉ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty HH trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty HH. Ngoài ra, căn cứ Điều 93.3 của Bộ Luật Dân sự năm 2005, Công ty H Đà Nẵng sẽ không chịu trách nhiệm dân sự thay cho Công ty HH đối với các nghĩa vụ dân sự do Công ty HH xác lập, thực hiện nên Công ty H Đà Nẵng không phải dùng tài sản của mình, ngoài phạm vi số vốn đã góp vào Công ty HH, để thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty HH đối với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, bao gồm cả Công ty X.

- Tại thời điểm xóa tên trong sổ đăng ký kinh doanh, Công ty HH đã chấm dứt hoạt động và đã không còn tồn tại trên thực tế. Do vậy, kể từ ngày 03/6/2015 trở về sau, Công ty H Đà Nẵng không còn là cổ đông của Công ty HH nên không chịu trách nhiệm và nghĩa vụ với tư cách là cổ đông của Công ty HH.

- Hợp đồng thuê Tòa nhà giữa Công ty HH và Công ty X đã chấm dứt và thanh lý trước khi Công ty HH giải thể: Theo Thỏa thuận giải quyết đề ngày 17/10/2013 và Thỏa thuận bổ sung đề ngày 28/10/2013 ký giữa Công ty HH và Công ty X thì Công ty HH đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X số tiền 25,5 tỷ đồng vào ngày 18/10/2013 và ngày 01/11/2013. Theo thừa nhận của Công ty X tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/7/2016, khoản tiền 25,5 tỷ đồng bao gồm các khoản tiền sau: Tiền thuê nhà 12 tháng của năm 2013 là 8.598.720.768 đồng; Lãi chậm thanh toán đến ngày 18/10/2013 là 1.418.207.000 đồng; Tiền bồi thường thiệt hại do chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn trọn gói là 15.482.642.025 đồng. Đối chiếu với thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng thuê thì bồi thường thiệt hại do chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn trả dư là 7.665.623.145 đồng. Việc Công ty X đã nhận đủ khoản tiền 25,5 tỷ đồng chứng tỏ Hợp đồng thuê đã chấm dứt, đã thanh lý và theo đó, mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của Công ty HH theo Hợp đồng thuê đã chấm dứt và đã hoàn thành mọi nghĩa vụ.

- Công ty X tính toán sai khoản tiền thuê nhà mà HH có thể sẽ trả nếu HH chưa giải thể và tiếp tục thuê Tòa nhà, cụ thể như sau: Tại Điều 3.1 của Hợp đồng thuê, HH và X thỏa thuận tiền thuê theo Hợp đồng thuê là 592.198.400 đồng/tháng; Điều 3.1 của Hợp đồng thuê cũng quy định rằng: “sau một năm các bên sẽ điều chỉnh tăng giá thuê một lần, mỗi lần chênh lệch không quá 10% giá thuê của kỳ thanh toán trước liền kề”. Điều này có nghĩa là nếu các bên không thống nhất mức tăng cụ thể thì cho dù Công ty HH chưa giải thể và vẫn thuê nhà

thì Công ty X sẽ không được áp mức tăng 10% để tính tiền thuê nhà. Theo Hợp đồng thuê thì Công ty HH và Công ty X không thỏa thuận tăng giá thuê cụ thể là bao nhiêu nên giả sử Công ty HH chưa giải thể và đồng ý tiếp tục thuê Tòa nhà thì tiền thuê nhà trong 24 tháng (từ 30/7/2015 đến 31/7/2017) phải được tính dựa trên giá thuê ban đầu là 592.198.400 đồng/tháng, theo đó tổng tiền thuê trong 24 tháng chỉ là 15.634.037.760 đồng nhưng Công ty X lại tính lên đến 23.169.109.418 đồng và giải thích tại Văn bản đề ngày 12/12/2016 là tăng tiền thuê nhà 10% mỗi năm mà không đưa ra được bất kỳ căn cứ nào làm cơ sở để áp mức tăng giá thuê 10%. Như vậy, cho dù ngay cả khi Công ty HH chưa giải thể và tiếp tục thuê Tòa nhà thì việc tính toán tiền thuê Tòa nhà của Công ty X cũng không chính xác.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại: Kết quả thẩm định Tòa nhà đã dự tính toàn bộ hư hại đối với Tòa nhà và các trang thiết bị là 14.668.384.828 đồng, bao gồm cả hư hỏng do thời tiết và thời gian lâu ngày gây ra, kết quả thẩm định này còn rất nhiều điểm không chính xác, không khách quan: Tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 16/5/2018 và Biên bản hòa giải ngày 20/9/2018, Công ty H Đà Nẵng không yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định về giá trị thiệt hại của Tòa nhà nên việc Tòa án thực hiện thẩm định theo yêu cầu của X và kết luận của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thừa Thiên Huế là không có cơ sở buộc Công ty H Đà Nẵng bồi thường các thiệt hại của Tòa nhà.

2. Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D trình bày nội dung: Các bị đơn ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư X, bởi lẽ: Trước thời điểm Công ty HH được giải thể hợp pháp vào ngày 03/6/2015 theo Thông báo giải thể số 60/ĐKKD-TB của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế thì ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D là cổ đông của Công ty HH. Tuy nhiên, các ông Nguyễn Hữu T và Ông Nguyễn Hữu D đã chấm dứt tư cách cổ đông của Công ty HH kể từ ngày 03/6/2015. Ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D không phải là người quản lý của Công ty HH nên không phải chịu trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty HH. Mặt khác, giữa ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D với Công ty X không ký kết bất cứ thỏa thuận nào về việc chịu trách nhiệm riêng cho phần nghĩa vụ nếu có của Công ty HH với bên thứ ba. Do vậy, việc Công ty X tiến hành khởi kiện ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D yêu cầu thanh toán tiền thuê nhà và bồi thường thiệt hại căn cứ theo Hợp đồng thuê văn phòng số 0301/2012/HMH-X ngày 10/01/2012 giữa Công ty X và Công ty HH là không có cơ sở.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần Y khoa H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án và triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhưng không có ý kiến trình bày gì và Tòa án không lấy được lời khai của Công ty Cổ phần Y khoa H đồng thời có văn bản từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

2. Ông Nguyễn Văn L trình bày nội dung: Trong thời gian làm Giám đốc của Công ty H Đà Nẵng, chức năng của ông chỉ là Giám đốc bệnh viện, là người lao động làm công ăn lương, không phải là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Y khoa H tại thành phố Hồ Chí Minh và cũng không phải thành viên Hội đồng quản trị của Công ty H Đà Nẵng nên ông không có thẩm quyền tham gia các chủ trương đầu tư, kinh tế, thương mại của công ty. Mặt khác, ông không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Công ty HH và cũng không tham gia điều hành Công ty HH và không tham gia gì về việc ký kết hợp đồng thuê mướn giữa hai bên nên đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 37 ; Điều 147; Điều 165, Điều 217, Điều 218, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 98, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 479, Điều 480, Điều 481, Điều 482 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc các bị đơn bồi thường theo tỷ lệ góp vốn đối với:

- Khoản tiền bồi thường thiệt hại do đã cố ý gây thiệt hại về cơ sở vật chất, kỹ thuật và thiết bị của Tòa nhà 38 P, phường Mỹ Dạ, thành phố H là 4.273.808.172 đồng;

- Khoản bồi thường thiệt hại về hư hỏng phát sinh thêm trong năm 2016 và 2017 do xuống cấp nghiêm trọng với số tiền là 6.000.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư X về việc buộc các bị đơn gồm: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D phải thanh toán tiền thuê tòa nhà cho Công ty Cổ phần Đầu tư X tính theo tỷ lệ góp vốn trong Công ty Cổ phần Đầu tư y khoa H, khoản tiền là 8.847.507.200 đồng, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng 93,66% x 8.847.507.200 = 8.286.575.243 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu T 6,33% x 8.847.507.200 = 560.047.205 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu D 0,01% x 8.847.507.200 = 884.750 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư X về việc buộc các bị đơn gồm: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về cơ sở vật chất, kỹ thuật và thiết bị của Tòa nhà 38 P, phường Mỹ Đa, thành phố H cho Công ty Cổ phần Đầu tư X tính theo tỷ lệ góp vốn trong Công ty Cổ phần Đầu tư y khoa H, khoản tiền là 14.668.384.828 đồng, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng 93,66% x 14.668.384.828 đồng = 13.738.409.229 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu T 6,33% x 14.668.384.828 đồng = 928.508.759 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu D 0,01% x 14.668.384.828 đồng = 1.466.838 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2019, ông Lê Tự M đại diện nguyên đơn - Công ty cổ phần Đầu tư X kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án với 02 nội dung: Thứ nhất, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty H Đà Nẵng phải bồi thường là 37.837.494.246đ; thứ hai, theo Điều 8 Hợp đồng cho thuê văn phòng số 0301/2012/HMH-X ngày 10/01/2012, hai bên thỏa thuận: *“Hợp đồng này là hợp đồng không hủy ngang. nếu bên nào đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thanh toán cho bên còn lại 12 tháng tiền thuê và các thiệt hại thực tế phát sinh”*. Tuy nhiên Công ty HMH đã đơn phương chấm dứt hợp đồng nên phải bồi thường cho Công ty X 12 tháng tiền thuê là 7.106.380.800đ (592.198.000đ/ tháng x12 tháng). Ngoài ra Công ty HMH đã chiếm giữ Tòa nhà 9,5 tháng tính đến ngày Tòa án thẩm định và bàn giao Tòa nhà cho Công ty X (16/5/2018), do vậy phải thanh toán tiền thuê nhà phát sinh là 5.625.884.800đ (592.198.000đ x 9,5 tháng).

Ngày 06/11/2019 ông Phạm Quốc Tuấn đại diện ủy quyền bị đơn - Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo Điều 311 BLTTDS năm 2015; hoặc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty X.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Võ Đông T và ông Đinh Văn C, người đại diện theo ủy quyền của Công ty X là nguyên đơn không thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện như tại phiên tòa sơ thẩm và đơn kháng cáo ngày 05/11/2019. Ông Nguyễn Minh T, đại diện Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng là bị đơn kháng cáo không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của đại diện nguyên đơn, đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm đình chỉ vụ án hoặc hủy bản án sơ thẩm điều tra xét xử lại bác yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn. Luật sư Ngô Minh H bảo vệ quyền lợi cho Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng

phát biểu quan điểm không chấp nhận đơn khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do thành lập Hội đồng định giá không có cơ quan tài chính của nhà nước. luật sư Phan Trung H bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn. Các bên đương sự vẫn không hòa giải được với nhau và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục và các quy định pháp luật. Về nội dung, ông Võ Đông T và ông Đinh Văn C đại diện nguyên đơn; ông Nguyễn Minh T đại diện bị đơn kháng cáo đều không có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, của luật sư bảo vệ quyền lợi cho các đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh T đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Bệnh viện Đa Khoa H Đà Nẵng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định Công ty cổ phần Bệnh viện Đa Khoa H Đà Nẵng đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Cẩm Thạch cũng như các ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D không tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn và không phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuê nhà và bồi thường thiệt hại của Công ty HH thì thấy: Theo Hợp đồng số 0301/2012 ngày 10/01/2012 thì Công ty HH thuê Tòa nhà 38 P, phường V, thành phố H của Công ty X trong thời hạn 10 năm để mở bệnh viện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty HH có nhiều vi phạm như thanh toán tiền chậm trễ, tự ý sửa chữa lớn không xin giấy phép nên bị phạt đình chỉ thi công, ngày 31/10/2013 Công ty HH tự ý chấm dứt hợp đồng. Do hai bên không giải quyết được hậu quả để thanh lý hợp đồng, nên ngày 04/5/2015 Công ty X khởi kiện Công ty HH. Trong thời gian Công ty X đang khởi kiện thì Công ty HH đã lập thủ tục giải thể và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế chấp nhận theo Thông báo số 60/ĐKKD-TB ngày 03/6/2015. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty HH (mã số doanh nghiệp

3300844017 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/9/2011) thì Công ty cổ phần Bệnh viện Đa Khoa H Đà Nẵng, có địa chỉ tại thành phố Đà Nẵng có cổ phần chiếm tỷ lệ 93,66%, ông Nguyễn Hữu T chiếm 6,33% và ông Nguyễn Hữu D chiếm 0,01%. Như vậy, trên thực tế, công ty HH là doanh nghiệp được thành lập với sự góp vốn cổ phần chi phối của Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Đà Nẵng. Tại khoản 2 Điều 98 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: *“Trước khi giải thể, pháp nhân phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ về tài sản”*. Tại khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *“Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp thì doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác”*. Tại khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: *“Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Doanh nghiệp”*. Như vậy, Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Cẩm Thạch, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn và phải có trách nhiệm thanh toán tiền thuê nhà cũng như bồi thường thiệt hại cho Công ty HH là có căn cứ pháp luật. Do vậy, kháng cáo của Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng đề nghị hủy án sơ thẩm là không có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi văn bản cho Công ty H Đà Nẵng có ý kiến về thiệt hại xảy ra, tiến hành thẩm định, nhưng Công ty H Đà Nẵng từ chối việc thẩm định và không đồng ý về việc thẩm định cũng như không cung cấp các chứng cứ liên quan.

[3] Xét kháng cáo của Công ty X về việc yêu cầu khởi Công ty H phải có trách nhiệm thanh toán tiền thuê nhà và bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 37.837.494.246, thấy rằng: Nguồn gốc tòa nhà 38 P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là thuộc sở hữu của Công ty cổ phần đầu tư X. Ngày 10/01/2012, X cho HH thuê toàn bộ tòa nhà với thời hạn 10 năm để làm phòng khám đa khoa là thể hiện ý chí tự nguyện của các bên tham gia và phù hợp với quy định của pháp luật. Do chấm dứt hợp đồng, nên ngày 17/10/2013 giữa hai bên đã *“Thỏa thuận thanh lý Hợp đồng thuê nhà trước thời hạn”*, theo đó các bên thỏa thuận không muộn hơn ngày 20/10/2013, ngày 28/10/2013 Công ty HH đã thanh toán số tiền 25 tỷ đồng cho Công ty X và sau đó thanh toán thêm 500.000.000đ, tổng cộng là 25.500.000.000 đồng. Theo thỏa thuận ngày 17/10/2013 thì: *“HH phải bàn giao lại cho Công ty X Tòa nhà thuê trên cơ sở nguyên trạng của ngày bắt đầu thực hiện việc di chuyển tài sản của HMM, HMM cam kết rằng việc di chuyển tài sản của HMM sẽ không làm hỏng hóc hay thiệt*

hại gì đến tòa nhà thuê và việc di chuyển của HMH phải dưới sự giám sát của X”. Nhưng thực tế thì Tòa nhà chưa được bàn giao cụ thể, phía H Đà Nẵng vẫn giữ chìa khóa và thuê người canh giữ toàn bộ Tòa nhà. Việc giao lại Tòa nhà là nghĩa vụ của HH và phải có sự giám sát của X nhưng khi X cử nhân viên đến giám sát thì các nhân sự và bảo vệ của HMH ngăn cản không cho vào Tòa nhà, các nhân sự của HMH đã cố tình thực hiện hành vi phá hoại chất lượng và kết cấu của Tòa nhà dẫn đến Tòa nhà bị xuống cấp trầm trọng, không an toàn để tiếp tục sử dụng. Theo biên bản kiểm tra ngày 05/11/2013 thì toàn bộ hệ thống thiết bị về điện, cấp thoát nước, điều hòa không khí, phòng cháy chữa cháy, camera, thang máy, vệ sinh đều không hoạt động được; hệ thống dây cáp, ống đồng bị cắt hết; các bức tường, trần, kết cấu Tòa nhà cũng bị đập phá. Công ty X đã rất nhiều lần gửi văn bản đề nghị Công ty HH phối hợp thuê đơn vị kiểm định độc lập để kiểm định lại chất lượng Tòa nhà để đảm bảo tính khách quan cho cả 2 bên trước khi bàn giao, nhưng Công ty HH không phối hợp làm việc. Do vậy mà Công ty X đã mời đơn vị thứ 3 khảo sát đánh giá, theo kết luận về công tác khắc phục, sửa chữa Tòa nhà, Công ty X yêu cầu Công ty HH, H Đà Nẵng và các cổ đông khác bồi thường giá trị thiệt hại để khắc phục sửa chữa tòa nhà với số tiền 14.668.384.828 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét thấy việc không bàn giao Tòa nhà như thỏa thuận làm thiệt hại đến tài sản của Công ty X là do lỗi chủ quan của Công ty HH nên Công ty HH phải có trách nhiệm bồi thường. Hiện tại Công ty HH đã giải thể khi chưa hoàn thành nghĩa vụ, vi phạm cam kết, nên chủ sở hữu có cổ phần chiếm tỷ lệ 93,66% trong Công ty HH là Công ty H Đà Nẵng cũng như ông Nguyễn Hữu T chiếm 6,33% và ông Nguyễn Hữu D chiếm 0,01% phải liên đới bồi thường là có căn cứ pháp luật. Công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty H Đà Nẵng và các bị đơn phải thanh toán tiền thuê nhà là 23.169.109.418đ, trong đó: Từ ngày 30/7/2015 đến 30/6/2016 là: 10.102.851.620đ; từ ngày 01/7/2016 đến 31/12/2016 là: 5.722.448.671đ; từ ngày 01/01/2017 đến 31/7/2017 là: 7.343.809.127đ. HĐXX thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng thuê văn phòng số 0301/2012/HMH-X quy định: “*Giá thuê nhà là 592.198.400 đồng/tháng, giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí điện, nước và các chi phí khác nếu có. Sau một năm các bên sẽ điều chỉnh tăng giá thuê một lần, mỗi lần chênh lệch không quá 10% giá thuê của kỳ thanh toán trước liền kề...*”. Theo tinh thần của Hợp đồng thì hai bên thỏa thuận sau một năm, 2 bên sẽ điều chỉnh tăng giá thuê nhà một lần. Ngày 17/10/2013, giữa hai bên có ký kết bản thỏa thuận giải quyết, theo đó các bên thỏa thuận không muộn hơn ngày 20/10/2013, Công ty HH chuyển khoản số tiền 25.000.000.000đ, ngày 28/10/2013 chuyển tiếp số tiền 500.000.000đ, tổng cộng là 25,5 tỷ cho Công ty X. Nguyên đơn chấp nhận số tiền trên được thanh toán bao gồm các khoản: Tiền thuê mặt bằng năm 2013 là 8.598.720.766 đồng; tiền

thuê mặt bằng năm 2014 là 9.458.592.845 đồng; tiền lãi chậm thanh toán cho các khoản phải thanh toán trước đó tính đến ngày 18/10/2013: 1.418.637.207 đồng; giá trị còn lại là 6.024.049.180 đồng được phân bổ tương đương 07 tháng tiền thuê phải thanh toán đầu năm 2015 (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/7/2015). Như vậy, có thể thấy giá trị tiền thuê nhà năm 2015 chưa có VAT là 788.216.070 đồng, có VAT là 867.037.677 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền thuê nhà từ 30/7/2015 đến thời điểm 2017 mỗi năm tăng giá thuê một lần không quá 10% giá thuê của kỳ thanh toán trước liền kề, nên khoản tiền thuê nhà mà Công ty H Đà Nẵng là chủ sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ là 93,66%, ông Nguyễn Hữu T chiếm 6,33% và ông Nguyễn Hữu D chiếm 0,01% trong HMH phải liên đới trách nhiệm bồi thường cho Công ty X từ 30/7/2015 đến 31/7/2017 là 24 tháng, cần được áp dụng giá thuê năm 2015 là 867.037.677 đồng/tháng, thành tiền là 20.808.904.248 đồng. Do vậy, tổng cộng số tiền thuê nhà và tiền bồi thường thiệt hại để khắc phục sửa chữa Tòa nhà là: 20.808.904.248 đồng + 14.668.384.828 đồng = 35.477.289.076. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận cho nguyên đơn với số tiền 23.169.109.418đ là gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy buộc các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 35.477.289.076đ, trong đó: Công ty H Đà Nẵng: $35.477.289.076 \times 93,66\% = 33.228.028.948đ$; ông Nguyễn Hữu T: $35.477.289.076 \times 6,33\% = 2.245.712.398đ$; ông Nguyễn Hữu D: $35.477.289.076 \times 0,01\% = 3.547.728đ$.

[4] Xét kháng cáo của Công ty X về việc yêu cầu khởi kiện Công ty H Đà Nẵng phải có trách nhiệm thanh toán tiền thuê nhà phát sinh cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ (16/5/2018) và bồi thường thiệt hại theo Điều 8 của Hợp đồng, với tổng số tiền là 12.732.265.000đ, thấy rằng: Như đã phân tích tại các mục [2] và [3] thì Công ty HH đã có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng và gây ra thiệt hại thì về nguyên tắc phải bồi thường mọi thiệt hại thực tế xảy ra. Tuy nhiên những yêu cầu trên của Công ty X chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, Tòa cấp phúc thẩm chỉ giải quyết những vấn đề đã được xét xử ở cấp sơ thẩm, vì vậy kháng cáo của nguyên đơn đã vượt quá phạm vi khởi kiện, nên HĐXX không xem xét giải quyết, nếu nguyên đơn xét thấy quyền lợi của mình chưa thỏa đáng thì có quyền khởi kiện một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên đây, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Nguyên đơn kháng cáo đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ; bị đơn kháng cáo không có căn cứ pháp luật. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định được sự thật của vụ án, những thiệt hại của Công ty X đã gánh chịu do hành vi trái pháp luật của Công ty HH gây ra để chấp nhận

một phần đơn khởi kiện của Công ty X là đúng đắn nhưng chưa đầy đủ một cách khách quan và toàn diện sự việc. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên sửa lại phần án phí sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị đơn phải thanh toán cho Công ty X số tiền là 35.477.289.076, trong đó: Công ty H Đà Nẵng phải thanh toán 33.288.028.948đ, nên phải chịu án phí 141.228.028đ; ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán 2.245.712.398đ, nên phải chịu án phí 76.914.247đ; ông Nguyễn Hữu D phải thanh toán 3.547.728đ, nên phải chịu án phí 2.000.000đ. Công ty X phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận 2.360.205.170đ (37.837.494.246đ-35.477.289.076đ) là 79.204.103đ. Công ty X đã tạm ứng án phí 78.055.651đ (gồm 63.471.000đ theo Biên lai số 8514 ngày 03/6/2015 và 200.000đ theo Biên lai số 8573 ngày 24/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; 14.348.651đ theo Biên lai số 5320 ngày 09/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế) nên còn phải nộp thêm 1.148.352đ; công ty X không phải chịu án phí phúc thẩm, nên hoàn lại cho Công ty X 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 5572 ngày 18/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm, Công ty đã nộp 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 5573 ngày 18/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần đầu tư X; không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng; sửa Bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 37 ; Điều 147; Điều 165, Điều 217, Điều 218, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 98, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 479, Điều 480, Điều 481, Điều 482 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc các bị đơn bồi thường theo tỷ lệ góp vốn đối với:

- Khoản tiền bồi thường thiệt hại do đã cố ý gây thiệt hại về cơ sở vật chất, kỹ thuật và thiết bị của Tòa nhà 38 P, phường võ Dạ, thành phố H là 4.273.808.172 đồng;

- Khoản bồi thường thiệt hại về hư hỏng phát sinh thêm trong năm 2016 và 2017 do xuống cấp nghiêm trọng với số tiền là 6.000.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư X về việc buộc các bị đơn gồm: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D phải thanh toán tiền thuê tòa nhà cho Công ty Cổ phần Đầu tư X tính theo tỷ lệ góp vốn trong Công ty Cổ phần Đầu tư y khoa H, khoản tiền là 20.808.904.248 đồng, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng 93,66% x 20.808.904.248đ = 19.489.619.718 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu T 6,33% x 20.808.904.248đ = 1.317.203.638 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu D 0,01% x 20.808.904.248đ = 2.080.890 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư X về việc buộc các bị đơn gồm: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về cơ sở vật chất, kỹ thuật và thiết bị của Tòa nhà 38 P, phường võ Dạ, thành phố H cho Công ty Cổ phần Đầu tư X tính theo tỷ lệ góp vốn trong Công ty Cổ phần Đầu tư y khoa H, khoản tiền là 14.668.384.828 đồng, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H Đà Nẵng 93,66% x 14.668.384.828 đồng = 13.738.409.229 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu T 6,33% x 14.668.384.828 đồng = 928.508.759 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu D 0,01% x 14.668.384.828 đồng = 1.466.838 đồng.

4. Án phí:

4.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng phải chịu 141.228.028đ; ông Nguyễn Hữu T phải chịu 76.914.247đ; ông Nguyễn Hữu D phải chịu 2.000.000đ. Công ty cổ phần đầu tư X phải chịu 79.204.103đ, Công ty X đã nộp tạm ứng án phí 78.055.651đ (gồm 63.471.000đ theo Biên lai số 8514 ngày 03/6/2015 và 200.000đ theo Biên lai số 8573 ngày 24/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; 14.348.651đ theo Biên lai số 5320 ngày 09/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế) nên còn phải nộp thêm 1.148.352đ.

4.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần đầu tư X không phải chịu, hoàn lại cho Công ty X 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 5572 ngày 18/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng phải chịu 2.000.000đ, Công ty đã nộp 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 5573 ngày 18/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa H Đà Nẵng đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/6/2020)

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THA dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Trường